



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO  
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH NGHỆ AN  
THÁNG 9 NĂM 2021**

**HÀ NỘI, THÁNG 9/2021**

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước  
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034  
Website: [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn); Email: [canhbaodubao@cewafo.gov.vn](mailto:canhbaodubao@cewafo.gov.vn)

## MỤC LỤC

<b>1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất.....</b>	<b>4</b>
1.1 Tầng chứa nước Holocene (qh).....	4
1.2 Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	4
<b>2 Dự báo mực nước dưới đất.....</b>	<b>6</b>
2.1 Tầng chứa nước Holocene (qh).....	6
2.2 Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	7
<b>3. Cảnh báo mực nước dưới đất.....</b>	<b>8</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Nghệ An được biên soạn hàng tháng, mùa, năm nhằm cung cấp các thông tin về số lượng, chất lượng nước, đồng thời dự báo tổng lượng nước đến, lượng nước có thể khai thác sử dụng tại các tiểu vùng dự báo và đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Nghệ An là một tỉnh thuộc lưu vực sông Cả có diện tích tự nhiên là 16.490,25 km<sup>2</sup>. Trong phạm vi tỉnh hiện nay có 46 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất được Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Đối với tài nguyên nước dưới đất tỉnh Nghệ An gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Holocen (qh) và tầng chứa nước Pleistocen (qp). Theo báo cáo thuộc dự án “Biên hội - thành lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:200.000 cho các tỉnh trên toàn quốc”, tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: tầng chứa nước Holocen (qh) là 688.698,6m<sup>3</sup>/ngày, tầng chứa nước Pleistocen (qp) là 136.705,0m<sup>3</sup>/ngày.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: [qttnn@monre.gov.vn](mailto:qttnn@monre.gov.vn)

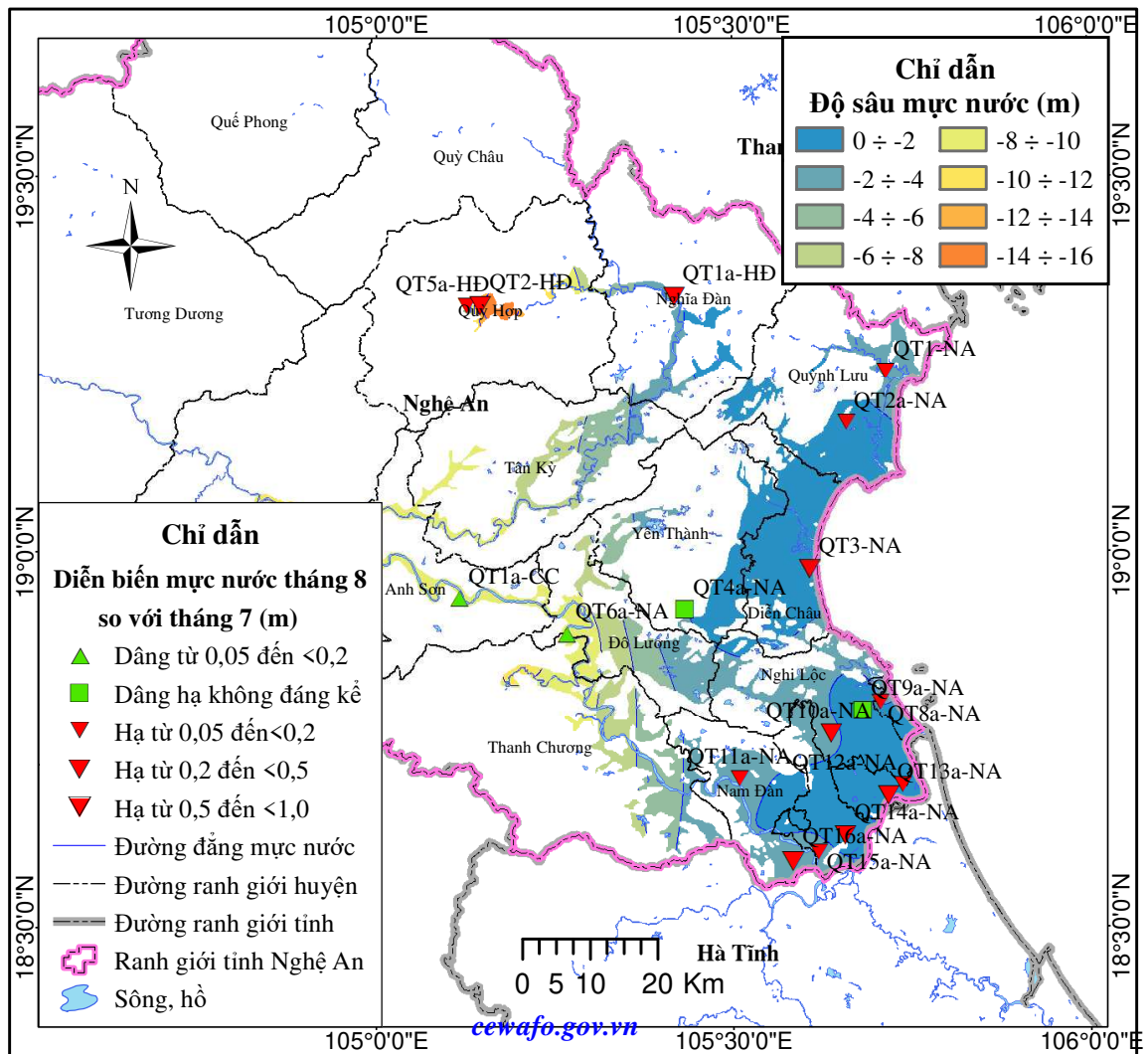
Bản tin được đăng tải tại Website: [nawapi.gov.vn](http://nawapi.gov.vn); [cewafo.gov.vn](http://cewafo.gov.vn)

# 1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

## 1.1 Tầng chứa nước Holocene (qh)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế so với tháng 7. Giá trị hạ thấp nhất là 0,53m tại xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn (QT16a-NA) và dâng cao nhất là 0,20m tại xã Long Sơn, huyện Anh Sơn (QT1a-CC).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,93m tại xã Hưng Hòa, TP.Vinh (QT12a-NA) và sâu nhất là -13,44m tại xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp (QT2-HĐ).

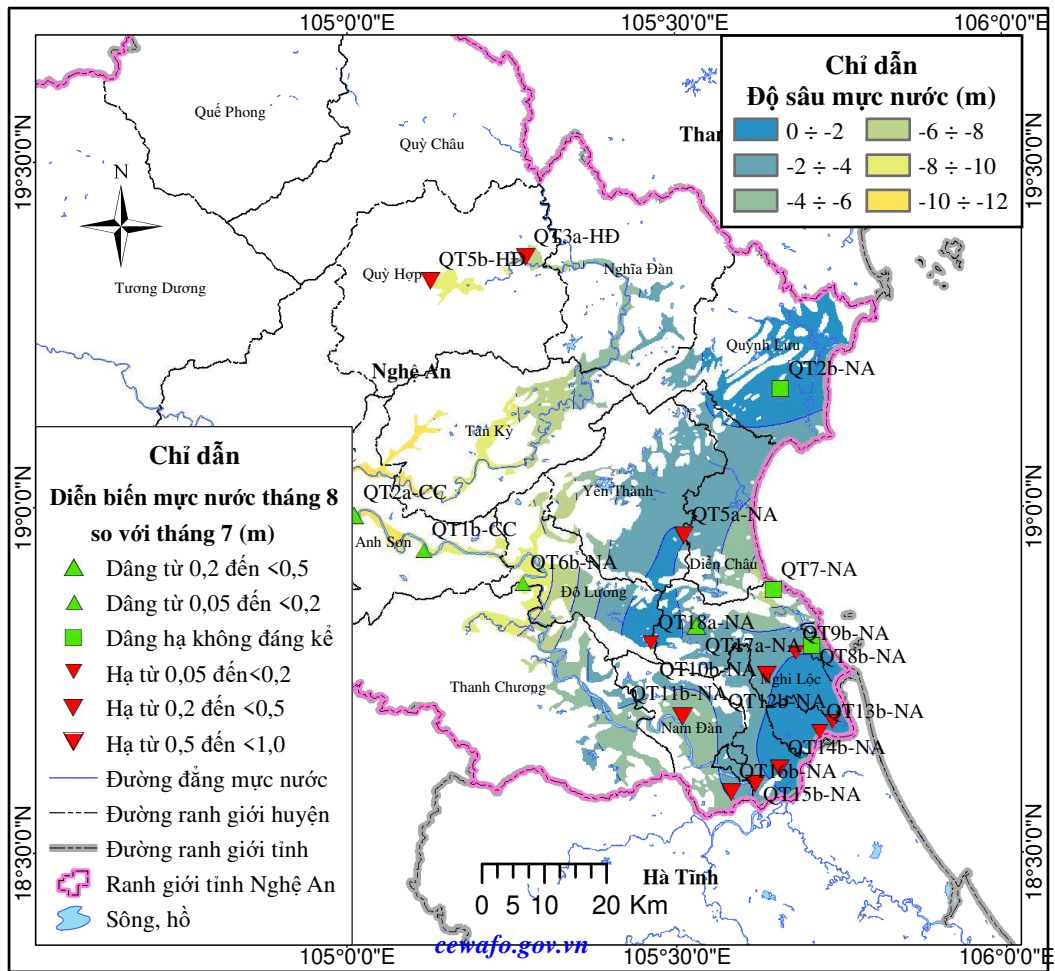


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh

## 1.2 Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có hạ so với tháng 7. Giá trị hạ thấp nhất là 0,55m tại TT.Nam Đàn, huyện Nam Đàn (QT11b-NA) và dâng cao nhất là 0,24m tại xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn (QT2a-CC).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,79m tại xã Đại Sơn, huyện Đô Lương (QT18a-NA) và sâu nhất là -11,98m tại xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn (QT2a-CC).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qđ

Bảng 1. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước

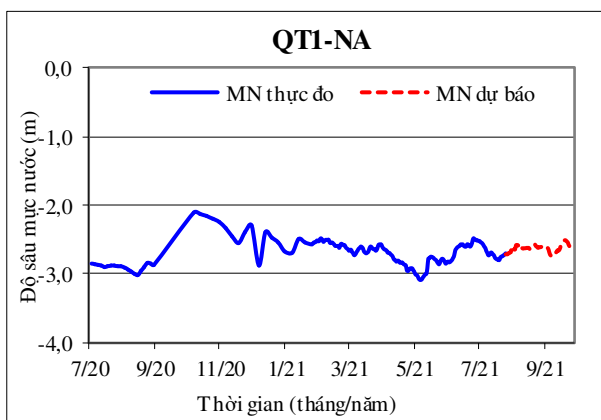
STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
<b>I</b>	<b>Tầng chứa nước qđ</b>				
1	QT1-NA	Xã Quỳnh Dị, TX. Hoàng Mai	-2,49	-2,81	-2,67
2	QT2a-NA	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	-1,06	-1,51	-1,32
3	QT3-NA	Xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu	-1,42	-1,91	-1,72
4	QT4a-NA	Xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành	-2,07	-2,20	-2,12
5	QT6a-NA	Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương	-8,95	-9,96	-9,46
6	QT8a-NA	Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò	-1,66	-2,08	-1,95
7	QT9a-NA	Xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc	-0,98	-1,13	-1,06
8	QT10a-NA	Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc	-2,11	-2,52	-2,37
9	QT11a-NA	TT. Nam Đàn, huyện Nam Đàn	-2,22	-2,57	-2,42
10	QT12a-NA	Xã Hưng Hòa, TP. Vinh	-0,70	-0,97	-0,89
11	QT13a-NA	Phường Hưng Dũng, TP. Vinh	-0,87	-1,41	-1,23
12	QT14a-NA	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên	-0,60	-1,10	-0,89
13	QT15a-NA	Xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên	-3,02	-3,11	-3,07
14	QT16a-NA	Xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn	-2,33	-2,80	-2,59
15	QT1a-CC	Xã Long Sơn, huyện Anh Sơn	-8,42	-9,29	-8,82
16	QT1a-HĐ	Xã Quang Phong, huyện Thái Hòa	-1,12	-3,09	-2,02

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
17	QT2-HĐ	Xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp	-12,83	-13,94	-13,31
18	QT5a-HĐ	Xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp	-4,87	-5,21	-5,13
<b>II</b>	<b>Tầng chứa nước qp</b>				
1	QT2b-NA	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	-1,07	-1,26	-1,15
2	QT5a-NA	Xã Công Thành, huyện Yên Thành	-1,61	-2,26	-1,91
3	QT6b-NA	Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương	-8,93	-9,98	-9,46
4	QT7-NA	Xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	-6,78	-7,41	-7,17
5	QT8b-NA	Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò	-2,26	-2,40	-2,35
6	QT9b-NA	Xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc	-1,93	-2,17	-2,06
7	QT10b-NA	Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc	-2,11	-2,34	-2,24
8	QT11b-NA	TT. Nam Đàn, huyện Nam Đàn	-4,91	-5,66	-5,32
9	QT12b-NA	Xã Hưng Hòa, TP. Vinh	-0,84	-1,02	-0,96
10	QT13b-NA	Phường Hưng Dũng, TP. Vinh	-1,42	-1,65	-1,58
11	QT14b-NA	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên	-0,68	-1,13	-0,96
12	QT15b-NA	Xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên	-3,04	-3,48	-3,31
13	QT16b-NA	Xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn	-3,58	-3,92	-3,78
14	QT17a-NA	Xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc	-1,98	-3,17	-2,66
15	QT18a-NA	Xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	-0,30	-0,99	-0,70
16	QT1b-CC	Xã Long Sơn, huyện Anh Sơn	-8,08	-9,34	-8,77
17	QT2a-CC	Xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	-11,70	-12,31	-11,98
18	QT3-CC	Xã Bồng Khê, huyện Con Cuông	-7,14	-7,84	-7,45
19	QT3a-HĐ	Xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	-7,33	-8,07	-7,70
20	QT5b-HĐ	Xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp	-8,19	-8,78	-8,47

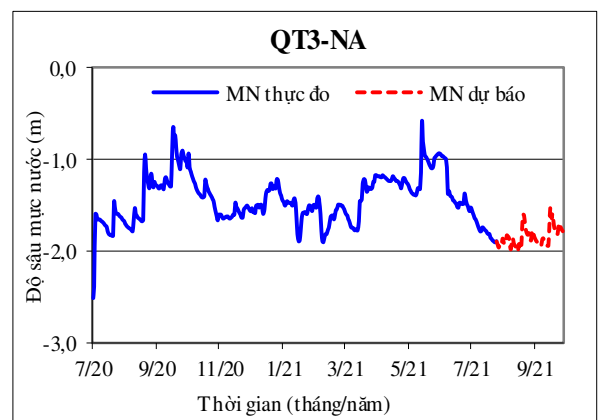
## 2 Dự báo mực nước dưới đất

### 2.1 Tầng chứa nước Holocene (qh)

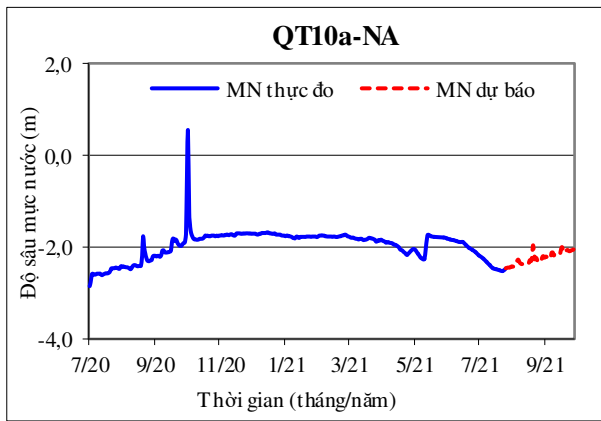
Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế dâng chiếm ưu thế. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:



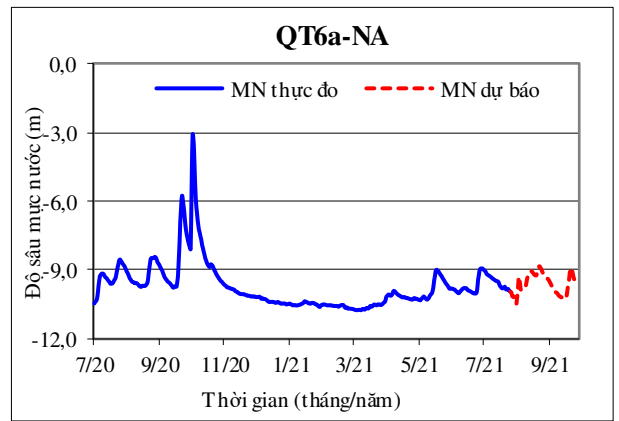
a) Xã Quỳnh Di, Tx. Hoàng Mai (QT1-NA)



b) Xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu (QT3-NA)



c) Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc  
(QT10a-NA)

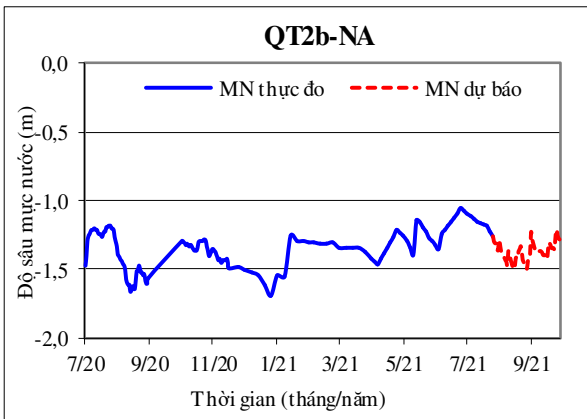


d) Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương  
(QT6a-NA)

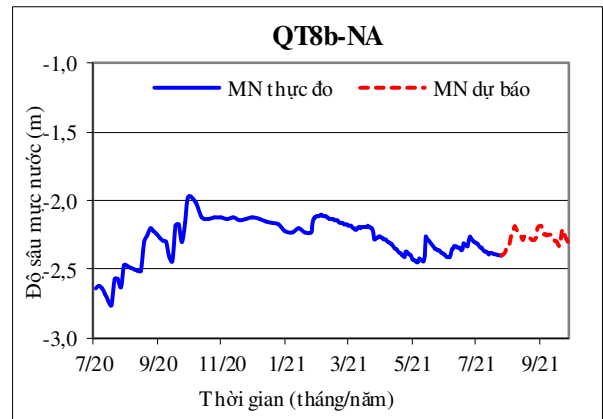
Hình 3. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

## 2.2 Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

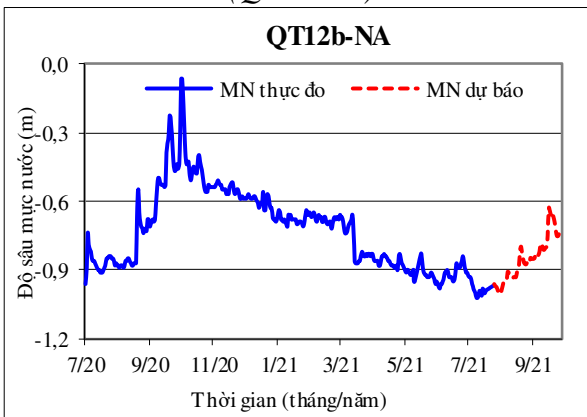
Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:



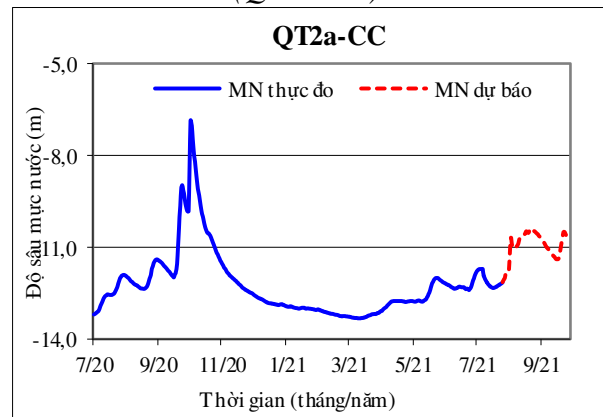
a) Xã Quỳnh Thạch, Tx. Hoàng Mai  
(QT2b-NA)



b) Phường Nghi Thu, Tx. Cửa Lò  
(QT8b-NA)



c) Xã Hưng Hoà, TP. Vinh  
(QT12b-NA)



d) Xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn  
(QT2a-CC)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 2. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
<b>I</b>	<b>Tầng chứa nước qh</b>					
1	QT1-NA	Xã Quỳnh Di, TX. Hoàng Mai	-1,96	-2,16	-2,08	14/9/2021
2	QT3-NA	Xã Diên Thành, huyện Diên Châu	-8,57	-8,81	-8,63	25/8/2021
3	QT10a-NA	Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc	-3,80	-4,08	-3,94	26/8/2021
4	QT6a-NA	Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương	-1,07	-1,19	-1,12	17/9/2021
<b>II</b>	<b>Tầng chứa nước qp</b>					
1	QT2b-NA	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	-4,46	-4,94	-4,74	26/8/2021
2	QT8b-NA	Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò	-8,91	-9,18	-8,99	25/8/2021
3	QT12b-NA	Xã Hưng Hòa, TP. Vinh	-3,50	-3,96	-3,73	26/8/2021
4	QT2a-CC	Xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	-1,48	-1,72	-1,60	17/9/2021

### 3. Cảnh báo mực nước dưới đất

Theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất, trong tình Nghệ An thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.